

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện như sau:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 26/7/2013 như sau:

“1. Thời hạn doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên lần đầu là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký Quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. Sau thời hạn này, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá lại, nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng các điều kiện quy định thì được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.”

Điều 2. Sửa đổi các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC như sau:

1. Sửa mẫu 03/DNUT - Bản ghi nhớ về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên.
2. Sửa mẫu 04/DNUT - Quyết định về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên.
3. Sửa mẫu 09b/DNUT về báo cáo số liệu, tình hình nhập khẩu quý ...năm....

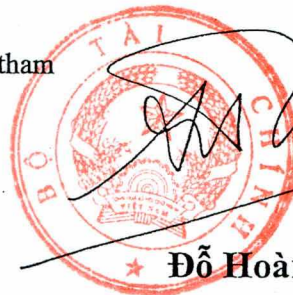
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013. / *th*

Nơi nhận:

- VP trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP;
- Viện KSNDTC, TANDTC;
- Văn phòng BCĐ trung ương về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (2/0).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BGN/TCHQ-DN

BẢN GHI NHỚ
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại trụ sở Tổng cục Hải quan - Lô E3, khu đô thị mới Cầu Giấy, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đại diện Tổng cục Hải quan (bên A) và đại diện Công ty ...(Bên B) (trong văn bản này gọi tắt là Hai bên):

Bên A: Tổng cục Hải quan.

Địa chỉ: Lô E3, khu đô thị mới Cầu Giấy, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cố định: 04.44520606; số FAX: 04.39440641.

E-Mail: tongcuchaiquan@customs.gov.vn

Đại diện: Ông ... ; chức vụ:

Bên B: Công ty ...

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Điện thoại cố định:

Fax:

Website:

Giấy chứng nhận đầu tư số ... do ... cấp ngày ...

Đại diện theo pháp luật: Ông ... ; chức vụ: ... ;

Email: ...

Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu: ... cấp ngày ...

Căn cứ Thông tư 86/2013/TT-BTC ngày 26/7/2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện và Thông tư số .../... /TT-BTC ngày ... tháng ... năm ... sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo

Thông tư số 86/2013/TT-BTC (sau đây gọi tắt là Thông tư); hồ sơ đề nghị công nhận là doanh nghiệp ưu tiên của Công ty ... và kết quả thẩm định của, Hai bên đã thảo luận và thống nhất như sau:

Điều 1. Bên A công nhận bên B đủ điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư; bên A là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 2. Bên A dành cho bên B được hưởng các ưu tiên quy định tại Chương IV Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 3. Bên A cam kết thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 22 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 4. Bên B cam kết thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 23 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 5. Đến thời hạn đánh giá lại, gia hạn được quy định tại Điều 15 của Thông tư số 86/2013/TT-BTC mà bên B không còn đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên hoặc khi bên B đề nghị không tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên, bên A có quyền quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với bên B.

Điều 6. Hai bên thống nhất về xác định mã số các mặt hàng do bên B đã xuất nhập khẩu (tạo thành phụ lục kèm Bản ghi nhớ này). Mã số hàng hóa đã được Hai bên thống nhất là căn cứ để bên B khai hải quan khi làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Trong quá trình được công nhận chế độ ưu tiên, nếu phát sinh mã số hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mới, yêu cầu bên B tiếp tục bổ sung kịp thời.

Điều 7. Thời hạn thực hiện chế độ ưu tiên lần đầu mà bên A dành cho bên B là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Sau thời hạn này, Hai bên đánh giá lại để xem xét việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 8. Hai bên cam kết, sau khi bên B được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên, mỗi bên sẽ tổ chức một bộ phận chuyên trách để thường xuyên phối hợp với nhau thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả nhất các trách nhiệm quy định và giải quyết các vấn đề phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn vị chuyên trách của bên A là Cục Kiểm tra sau thông quan, số điện thoại:; số Fax:; Email:

Đơn vị chuyên trách của bên B là ... , số điện thoại: ... ; số Fax: ... , Email: ...

Điều 9. Việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa Hai bên được thực hiện bằng đường điện tử. Trường hợp cần thiết phải có hồ sơ giấy thì bên A thông báo để bên B thực hiện. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp.